

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 15/12/2020.

V/v “*Tranh chấp HĐMB hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm..

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 174/2019/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 9 năm 2019 về: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX- KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P. Địa chỉ: 546, ấp GC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn P – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Trọng N - Chức vụ: Phó Giám Đốc (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019) .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lôi Văn Đ – Văn phòng Luật sư Hùng Đức, thuộc Đoàn Luật sư An Giang.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV thuộc Bảo vệ thực vật ND; địa chỉ: 340, ấp TB, xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc.

Ông Trương Trí T – Trưởng Chi nhánh Công ty TNHH MTV thuộc Bảo vệ thực vật ND tại Tri Tôn; địa chỉ: Tổ 01, ấp PL, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông N, Luật sư Đ có mặt. Những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/8/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn P, với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Tiêu Trọng N - đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:

Ngày 20/11/2017 Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P (gọi tắt Công ty P) do ông Tiêu Trọng N – đại diện theo ủy quyền với Công ty TNHH MTV thuốc bảo vệ thực vật ND (gọi tắt là Công ty ND), do ông Trương Trí T – Trưởng chi nhánh - đại diện theo ủy quyền của Công ty ND, ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa DS1 vụ đông xuân 2017 – 2018 số 000/HĐSXTT.2017

Nội dung: Công ty ND bán cho công ty Phú 1.912 tấn lúa giống DS1, giá 5.800 đồng/01 ký, với thỏa thuận Công ty Phú cho Công ty ND tạm ứng 600.000 đồng/01 tấn x 1.912 tấn = 1.147.200.000 đồng.

Số tiền tạm ứng Công ty ND có nghĩa vụ đầu tư cho nông dân là ông Ngô Văn L (người thuê đất của Lâm trường tỉnh đội tại xã TT, huyện TT), để ông L canh tác lúa bán cho Công ty ND và Công ty ND giao cho Công ty P.

Tuy nhiên, Công ty ND là doanh nghiệp kinh doanh mua bán thuốc bảo vệ thực vật, nên Công ty ND chỉ nhận tiền tạm ứng của Công ty Phú 777.600.000 đồng, nhận 04 lần. Cụ thể:

- + Lần 1: Ngày 23/11/2017 nhận 573.600.000 đồng;
- + Lần 2: Ngày 09/01/2018 nhận 54.000.000 đồng;
- + Lần 3: Ngày 30/01/2018 nhận 50.000.000 đồng;
- + Lần 4: Ngày 09/02/2018 nhận 100.000.000 đồng.

Mà không nhận đủ 1.147.200.000 đồng. Số còn lại 369.600.000 đồng Công ty ND đầu tư cho ông Lô bằng hình thức giao thuốc bảo vệ thực vật của Công ty ND.

Quá trình thực hiện, ông T – đại diện Công ty ND có báo cho Công ty P nội dung đầu tư cho ông L và Công ty P có cử người đến gặp ông L; ông L xác nhận nội dung trên, ông L có dẫn người của Công ty P ra đồng chỉ đất và lúa, nhưng ông L không chỉ đúng đất của ông;

Ngày 14/02/2018 ông T báo toàn bộ 1.700 công lúa của ông L bị chết, Công ty P tin lời và cho Công ty ND gia hạn gieo xạ lại từ ngày 14/02/2018 – 09/3/2018 và dự kiến ngày 14/6/2018 thu hoạch.

Trong thời gian đó ông T có thanh toán lại cho Công ty P 137.500.000 đồng vào các ngày:

- + Ngày 17/4/2018 số tiền 15.000.000 đồng;
- + Ngày 18/4/2018 số tiền 75.000.000 đồng;
- + Ngày 21/4/2018 số tiền 22.500.000 đồng;
- + Ngày 05/5/2018 số tiền 525.000.000 đồng.

Số còn lại 640.100.000 đồng Công ty ND không giao.

Đến ngày 28/5/2018 Công ty P cử người đến đất của ông L xem để chuẩn bị ngày 14/6/2018 thu hoạch thì mới phát hiện đất mà ông L gieo xạ lúa DS1 chỉ 100 công, phần còn lại là giống khác. Lúc này hỏi ra ông L mới cho biết ông không ký hợp đồng gì với ông T, việc khai và chỉ đất trước đây là nghe theo lời ông T, từ đó Công ty P không nhận được lúa của Công ty ND mà tiền còn lại 640.100.000 đồng ông T có biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 11/7/2018 và hứa ngày 31/7/2018 thanh toán, nhưng đến nay Công ty ND không thanh toán.

Sự việc Công ty P tố cáo hành vi ông T đến Công an huyện TT, tại Cơ quan điều tra – Công an huyện TT, ông T trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 590.100.000 đồng đến nay. Nay Công ty P yêu cầu Công ty ND và ông Trương Trí T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền trên với lãi suất chậm trả theo mức 01% tháng, kể từ ngày nhận tiền cuối (09/02/2018) đến khi xét xử và phạt vi phạm hợp đồng theo mức 8%/ giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H – đại diện theo pháp luật Công ty ND và ông Trương Trí T – Trưởng Chi nhánh Công ty TNHH MTV thuốc Bảo vệ thực vật ND tại TT đã được thông báo hợp lệ tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cả hai vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/9/2018 (bút lục số 62 – 63 – 64), tờ tường trình ngày 06/9/2018 (bút lục số 65), tờ cam kết ngày 06/9/2018 (bút lục số 66), ông Trương Trí T thừa nhận ngày 20/11/2017 ông là trưởng chi nhánh hoạt động theo ủy quyền cho Công ty ND ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa DS1 vụ đông xuân 2017 – 2018 số 000/HĐSXTT.2017 như đại diện Công ty P trình bày, theo đó Công ty ND chịu trách nhiệm đầu tư thu mua lúa DS1 của nông dân bán cho công ty P 1.912 tấn, giá 5.800 đồng/01 ký, với thỏa thuận Công ty P cho Công ty ND tạm ứng 600.000 đồng/01 tấn x 1.912 tấn = 1.147.200.000 đồng, nhưng ông chỉ nhận 777.600.000 đồng, số còn lại 369.600.000 đồng Công ty ND đầu tư cho nông dân bằng hình thức giao thuốc bảo vệ thực vật của Công ty.

Quá trình thực hiện, do lúa bị bệnh nên thu hoạch không đủ sản lượng giao cho Công ty P, ông có hợp đồng mua lúa DS1 của người khác giao nhưng Công ty P không đồng ý nhận, nên ông chỉ trả lại tiền cho Công ty P được 137.000.000 đồng còn nợ Công ty P 640.100.000 đồng, ông cam kết hạn chót ngày 30/10/2018 sẽ thanh toán.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, các phần khác nguyên đơn giữ nguyên. Riêng bà H, ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Trương Trí T là trưởng Chi nhánh Công ty ND có trụ sở tại huyện TT, hoạt động theo ủy quyền của Công ty ND; ông T nhận tiền của Công ty P 777.600.000 đồng, nhưng không thực hiện đúng hợp đồng là vi phạm. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại 01 phần yêu cầu phạt hợp đồng là có lợi cho Công ty ND và ông T; Công ty P chỉ

yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền ứng trước là do Công ty P trong kinh doanh cũng hỏi vay, nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên.

Về thủ tục: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thủ tục xét xử, được đảm bảo. Tuy nhiên, còn một vài vi phạm nhưng không nghiêm trọng, không ảnh hưởng nội dung vụ án, nên chỉ đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Ông Trương Trí T là trưởng chi nhánh của Công ty ND – đại diện cho Công ty ND ký hợp đồng bán 1.912 tấn lúa giống DS1 cho Công ty P, nhưng không giao lúa đúng, chứng tỏ đã vi phạm hợp đồng. Tại phiên tòa, Công ty P xác định ông T đã thanh toán được tổng cộng 187.500.000 đồng, còn lại 590.100.000 đồng yêu cầu Công ty ND và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty P cùng với lãi suất chậm trả là có căn cứ; riêng Công ty P rút lại yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là tự nguyện và phù hợp pháp luật, nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Bà Nguyễn Thị H – đại diện theo pháp luật Công ty ND và ông Trương Trí T – Trưởng Chi nhánh Công ty ND tại TT đã được triệu tập hợp lệ **tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hai bên cùng đăng ký kinh doanh, theo đó Công ty P được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cấp chứng nhận mã số 1601488376 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 07/11/2019 chuyên kinh doanh và mua bán vật tư nông nghiệp, hàng thủy hải sản.... Công ty ND được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang cấp chứng nhận mã số 1602054621 đăng ký lần đầu ngày 09/11/2017. Công ty ND còn có Chi nhánh tại xã LAT, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh – Mã chi nhánh 1602054621-001 đăng ký lần đầu ngày 16/11/2017. Hợp đồng mua bán giữa hai bên cùng mục đích lợi nhuận. Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty P, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại về lĩnh vực: “*Mua bán hàng hoá*”, theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Tính đến ngày 05/5/2018 ông T chỉ mới thanh toán cho Công ty P 137.000.000 đồng, phần còn lại không thực hiện, nên ngày 03/9/2019 Công ty P khởi kiện là còn trong thời hiệu theo Điều 319 Luật thương mại. Công ty ND có Chi nhánh tại xã LAT, huyện TT do ông Trương Trí T hoạt động theo

ủy quyền của Công ty ký kết hợp và thực hiện hợp đồng tại huyện TT, nên Tòa án huyện TT thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Hợp đồng mua bán giữa hai bên có lập thành văn bản, trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật, nên xem là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4.1] Xét về việc thực hiện hợp đồng.

Ông T thừa nhận ngày 20/11/2017 có ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa DS1 vụ đông xuân 2017 – 2018 số 000/HĐSXTT.2017 bán cho Công ty P 1.912 tấn lúa DS1, giá 5.800 đồng/01 ký, ông T có nhận trước của Công ty P 777.600.000 đồng, nhưng không giao đủ sản lượng lúa như đại diện Công ty P trình bày. Do đó đã vi phạm hợp đồng, nên Công ty P khởi kiện là có căn cứ, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

- Công ty P giữ nguyên yêu cầu tính lãi, HĐXX nghĩ nên áp dụng Điều 306 Luật thương mại, theo đó: Lãi suất chậm trả được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Cụ thể:

Tại công văn số 12/PGD.TT ngày 14/12/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh TT là $10,5\%/năm \times 150\% = 15,75\%/năm$; công văn số 69/2020/PGĐ - CNAG ngày 14/12/2020 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh huyện TT là $10,5\% năm đến 11,5\%/năm \times 150\% = 16,5\%/năm$; công văn số 13/NHN0.TT.KHKD, ngày 14/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi Nhánh huyện TT là $9\%/năm đến 12\%/năm \times 150\% = 15,75\%/năm$. Như vậy mức lãi trung bình của 03 Ngân hàng **Thương mại** trên địa bàn huyện Tri Tôn tại thời điểm xét xử là: $(15,75\% + 16,5\% + 15,75\%): 3 = 16\%/năm$.

Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty P chỉ yêu cầu mức lãi 1% tháng, tương đương 12%/năm và chỉ yêu cầu tính lãi phần tiền còn lại 590.100.000 đồng, kể từ ngày nhận tiền sau cùng 09/02/2018 đến nay tháng 12/2020 bằng 34 tháng mà không yêu cầu tính của số tiền tương ứng với thời gian nhận là có lợi cho Công ty ND, nên HĐXX công nhận tự nguyện của Công ty P. Do đó, số tiền và thời gian cụ thể được tính: $590.100.000 \text{ đồng} \times 12\%/năm \times 34 \text{ tháng}/12 \text{ tháng} = 200.634.000 \text{ đồng}$.

- Về yêu cầu phạt vi phạm:

Xét theo hợp đồng do hai bên ký kết ngày 20/11/2017 không có thỏa thuận phạt vi phạm, nên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu này là phù hợp với Điều 307 Luật thương mại 2005, nên HĐXX công nhận.

Như vậy, tổng cộng vốn lãi được xác định là: $590.100.000 \text{ đồng} + 200.634.000 \text{ đồng} = 790.734.000 \text{ đồng}$.

[4.2] **Về trách nhiệm:** Do Công ty ND có Chi nhánh tại huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh – Mã chi nhánh 1602054621-001. Người đứng đầu là ông Trương Trí T, hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Công ty ND. Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa DS1 do ông T ký với Công ty P ký ngày 20/11/2017 là trên cơ sở hoạt động theo ủy quyền của Công ty ND, nên ông T cùng với Công ty ND có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho Công ty P theo Điều 288 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Công ty P được chấp nhận, nên Công ty P không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà Công ty P đã đóng. Đối với ông Trương Trí T và Công ty ND phải cùng chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thanh toán.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 37, 50, 306, 307, 319 Luật thương mại 2005; Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn P.

Buộc ông Trương Trí T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuộc bảo vệ thực vật ND có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Trịnh Văn P 790. 734.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Trịnh Văn P đối với ông Trương Trí T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuộc bảo vệ thực vật ND về phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Trương Trí T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuộc bảo vệ thực vật ND phải cùng chịu 35.629.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P 18.290.000 đồng, theo biên lai thu số 0012163 ngày 13/9/2019.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAT;

- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ